

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 683/2023/HC- PT

Ngày: 16-8-2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định xử phạt  
vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất  
đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên Cao cấp

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 6 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1759/2023/QĐ-PT ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Ngô Thị Minh H, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Chị Trần Thu T, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Luật sư Nguyễn Phương Đại N – Công ty L1 – Đoàn Luật sư tỉnh L (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Nguyễn Trung T1 – Phó chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Ông Phạm Thành N1, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số F T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, ông N1: Bà Phạm Trần Như T3, sinh năm 1974 (có mặt).*

Địa chỉ: Số D N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Ông Phạm Đức V, sinh năm 1955 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số G T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện bà Ngô Thị Minh H trình bày:*

Bà Ngô Thị Minh H cùng chồng là ông Võ Văn T2 là chủ sử dụng hợp pháp đối với các quyền sử dụng đất sau:

1/ Phần đất có diện tích 3.646,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 62 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 639867 do UBND huyện B cấp ngày 25-12-2012;

2/ Phần đất có diện tích 9.544,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 175, tờ bản đồ số 62 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 639868 do UBND huyện B cấp ngày 25-12-2012;

3/ Phần đất có diện tích 1.286,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 62 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 639869 do UBND huyện B cấp ngày 25-12-2012.

Các quyền sử dụng đất trên đều tọa lạc tại Thôn A, xã L, huyện B tỉnh Lâm Đồng. Trước đây, 03 thửa đất này được cấp chung một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thể hiện có lỗi đi chung.

Khoảng năm 2011, để thuận tiện cho việc chăm sóc, thu hoạch và vận chuyển nông sản, gia đình bà H có mở 01 con đường nằm trong các thửa đất trên để sử dụng đi lại và cho các hộ dân sử dụng đất phía sau đi nhờ qua con đường này.

Đến năm 2012, bà H thực hiện thủ tục tách thửa đối với 3 thửa đất nêu trên và đã được UBND huyện B cấp đổi thành 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là BM 639867, BM 639868, BM 639869. Tuy nhiên, khi tách thửa và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện B không xem xét nguồn gốc trước đây không có con đường mà dựa theo hiện trạng sử dụng đã thể hiện có con đường chung đi qua các thửa đất của gia đình bà H trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì không để ý nên bà H cũng không thắc mắc hay khiếu nại gì.

Vừa qua, do gia đình bà H có nhu cầu sử dụng riêng và bảo vệ tài sản nên bà H đã dựng cổng rào chắn con đường này bằng lưới B40. Cùng với đó, bà H đồng ý mở 01 lối đi khác qua phần đất của gia đình bà tại một vị trí khác để cho các hộ đi nhờ nhưng các hộ dân này không đồng ý mà cho rằng con đường bà H rào lại là con đường đi chung được thể hiện trên bản đồ địa chính và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã có đơn gửi đến UBND xã L, huyện B yêu cầu giải quyết.

Ngày 09-09-2021, UBND xã L, huyện B đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC đối với bà Ngô Thị Minh H về hành vi tự ý dựng cổng rào chắn lối đi chung. Đến ngày 17-9-2021, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Ngô Thị Minh H về hành vi tự ý dựng cổng bằng sắt và rào lưới B40 chắn lối đi chung qua các thửa đất số 176, 162, 171, 153, 175, 172, 148 tờ bản đồ số 62, tại thôn A, xã L gây cản trở việc đi lại của người khác theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Bà H cho rằng Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC không đúng vì các lý do:

Một là, con đường trên là của gia đình bà H tự mở trên đất của gia đình không phải là đường đi chung, các hộ dân phía sau chỉ đi nhờ con đường này;

Hai là, việc bà H dựng cổng rào chắn con đường này bằng lưới B40 là nhằm bảo vệ tài sản và khuôn viên đất của gia đình. Việc này là chính đáng, bà H không gây cản trở việc sử dụng đất của người khác và không hủy hoại đất theo như Quyết định xử phạt đã nêu;

Ba là, UBND huyện B chưa xác minh, làm rõ nguồn gốc của con đường mà bà H rào lại có phải là con đường đi chung của các hộ từ xưa đến nay hay không mà đã ban hành quyết định xử phạt đối với bà H là không đúng. Việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H;

Hơn nữa, các chủ sử dụng đất phía sau nhà bà H hiện có lối đi khác thuận tiện hơn nhưng những người này không sử dụng.

Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3887/QĐ-XPVPHC ngày 17-9-2021 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng (do Phó Chủ tịch UBND huyện B ký thay) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà H.

\* Theo ý kiến của đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B trình bày: Qua xem xét, đối chiếu hồ sơ vi phạm thấy rằng, hộ bà Ngô Thị Minh H sử dụng thửa đất số 816, diện tích 5.004m<sup>2</sup>, thuộc tờ bản đồ số 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Theo bản đồ đo đạc mới thì thửa đất trên thuộc một phần thửa đất số 215 và thửa đất số 05, tờ bản đồ số 58). Thửa đất trên bà H đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số hiệu CA 815628, cấp ngày 22-9-2015.

Trong quá trình sử dụng, vào khoảng từ ngày 18-7-2021 đến ngày 11-8-2021, hộ bà H đã tự ý dựng cổng sắt, làm hàng rào lưới B40 trên diện tích đất là đường đi chung của các hộ dân. Việc làm của H2 bà H đã làm ảnh hưởng đến việc đi lại của các chủ sử dụng đất vào các thửa đất số 176, 171, 162, 175, 153, 172, 148, cùng tờ bản đồ số 62, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Trên cơ sở đo đạc thực tế, đối chiếu với bản đồ địa chính tại khu vực này, UBND xã L đã xác minh, làm rõ nguồn gốc sử dụng đường đi chung này và lập Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC ngày 09-9-2021. Biên bản vi phạm hành chính đã xác định hộ bà H tự ý rào chắn lối đi chung, hành vi vi phạm nêu trên được quy định tại khoản 3, Điều 16 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Căn cứ quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì hành vi vi phạm nêu trên thuộc thẩm quyền xử phạt của chủ tịch UBND huyện B nên ngày 09-9-2021, UBND xã L có văn bản số 119/UBND chuyển hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trên đến UBND huyện B.

Sau khi UBND huyện B nhận được hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính do UBND xã L chuyển đến thì UBND huyện giao Phòng TN-MT huyện phối hợp cùng UBND xã L kiểm tra hiện trạng, đối chiếu với hồ sơ địa chính tại khu vực này. Qua kiểm tra xác minh, Phòng TN-MT huyện có báo cáo số 234/BC-TN-MT ngày 15-9-2021 và đề xuất UBND huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị Minh H vì đã có hành vi vi phạm tự ý rào chắn lối đi chung; hành vi vi phạm nêu trên được quy định tại khoản 3, Điều 16, Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, ngày 17-9-2021, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC để xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị Minh H, xử phạt tiền là 7.500.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là “*Buộc khôi phục hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm*”; Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17-9-2021.

Kể từ ngày Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành đến nay, bà H không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (không nộp tiền xử phạt, không tự giác tháo dỡ cổng sắt và hàng rào, gây ảnh hưởng đến việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, nông sản của một số hộ dân có đất phía trong. UBND xã L đã nhiều lần thông báo, làm việc yêu cầu hộ bà H thực hiện nhưng không có kết quả). Để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, UBND huyện đã có văn bản giao các ngành chức năng, UBND xã tổ

chức cưỡng chế, tháo dỡ vi phạm đối với hộ bà H. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, qua rà soát lại vụ việc thấy rằng, lý do hộ bà chưa tự nguyện thi hành là do bà đang khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh L; mặt khác, thì trong Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC ngày 17-9-2021 có sai sót, căn cứ theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23-12-2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2345/QĐ-ĐC ngày 17-6-2022 để đình chính Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC. Sau khi đình chính, UBND huyện đã giao Phòng TN-MT, UBND xã L thực hiện gửi Quyết định số 2345/QĐ-ĐC đến hộ bà H và thực hiện niêm yết tại UBND xã, Ban nhân dân thôn theo đúng quy định (Nội dung đình chính từ “*hành vi hủy hoại đất*” thành “*hành vi gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác*”, các điều khoản, nội dung khác không thay đổi).

Như vậy, việc bà Ngô Thị Minh H yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3887/QĐ-XPVPHC ngày 17-9-2021 (đã được đình chính tại Quyết định số 2345/QĐ-ĐC ngày 17-6-2022) là không có căn cứ. UBND huyện giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Ngô Thị Minh H về hành vi tự ý rào chắn lối đi chung là đúng quy định của pháp luật. Việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này, UBND huyện đã căn cứ theo thực tế hành vi vi phạm và quy định của pháp luật hiện hành để xử phạt vi phạm hành chính. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

*\* Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Tân H1 trình bày: Ông H1 sử dụng thửa đất số 148 (cấp đổi từ các thửa 103, 109, 112, 113, tờ bản đồ số 24 năm 1996, xã L); nguồn gốc do ông tự khai phá từ năm 1989 - 1990 và được cấp sổ năm 1996, khi khai phá đã có con đường mòn và sử dụng ổn định đến 2021 thì bị bà H rào lối đi lại.

Ông Phạm Thành N1 trình bày: Ông N1 là chủ sử dụng đất thửa 172, tờ bản đồ số 62, xã L; nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng từ ông M, bà M1 vào năm 2006. Từ thời điểm năm 2006 thì đã có con đường và ông sử dụng ổn định đường đi này cho đến khi bị bà H rào chắn.

Ông Phạm Đức V trình bày: Ông V sử dụng đất thửa 136, tờ bản đồ số 62, xã L; nguồn gốc do ông tự khai phá từ năm 1989- 1990 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996; khi khai phá đã có con đường mòn và sử dụng làm lối đi ổn định đến 2021 thì bị bà H rào lối đi lại.

Bà Trần Thị Kim L trình bày: Bà L là chủ sử dụng thửa đất số 200, tờ bản đồ số 62, xã L, nguồn gốc do bà tự khai phá từ năm 1989 - 1990 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996; khi khai phá đã có con đường mòn và sử dụng làm lối đi ổn định đến 2021 thì bị bà H rào lối đi lại.

Ông Võ Văn T2 trình bày: Ông T2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của bà Ngô Thị Minh H. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

*Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 58/2022/HC-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:*

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Minh H về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3887/QĐ-XPVPHC ngày 17-9-2021 của Chủ tịch UBND huyện B.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2022 bà Ngô Thị Minh H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm; yêu cầu tòa cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Trong phần tranh luận:

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1, ông N1 là bà Phạm Trần Như T3 trình bày:* con đường đi chung đã có từ rất lâu; căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G649773 ngày 30-10-1996 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Tấn H1 đối với thửa 103, tờ bản đồ số 24 (bản đồ cũ), xã L diện tích 5.430m<sup>2</sup> trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở nông thôn thì phải có đường mới được cấp đất ở. Đến năm 2017, khi ông H1 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trên bản đồ đã thể hiện con đường đi chung theo hiện trạng. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông H1, ông V, ông N1, bà L và văn bản trình bày ý kiến của UBND huyện B. Việc bà H rào lại con đường đi chung đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người dân sinh sống phải đi qua con đường này. Do đó, UBND huyện B ban hành Quyết định xử phạt bà H là đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông H, bà T2 là hợp pháp và có thể hiện đường đi trên bản đồ địa chính. Việc bà H tự ý rào chắn đường đi chung gây ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của những chủ sử dụng đất phía trong là vi phạm pháp luật; căn cứ Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 23-10-2020 của chủ tịch UBND huyện B về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính thì Quyết định số 3887 do Phó chủ tịch ký thay Chủ tịch là phù hợp; căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính thì việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2345/QĐ-ĐC ngày 17-6-2022 đình chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3887 do sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu

khởi kiện là có cơ sở. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa được ra tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Nên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện Bà Ngô Thị Minh H trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **[2] Về nội dung:**

Ngày 09-09-2021, UBND xã L, huyện B đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC đối với bà Ngô Thị Minh H về hành vi tự ý dựng cổng rào chắn lối đi chung. Đến ngày 17-9-2021, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Ngô Thị Minh H về hành vi tự ý dựng cổng bằng sắt và rào lưới B40 chắn lối đi chung qua các thửa đất số 176, 162, 171, 153, 175, 172, 148, cùng thuộc tờ bản đồ số 62, tại Thôn A, xã L gây cản trở việc đi lại của người khác theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Bà H cho rằng Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC không đúng, nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3887/QĐ-XPVPHC ngày 17-9-2021 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng (do Phó Chủ tịch UBND huyện B ký thay) về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà H.

#### **[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Ngô Thị Minh H:**

##### **[3.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ Tòa cấp sơ thẩm thu thập thể hiện:**

Theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 639867, BM 639868, BM 639869 (BL 28-35) do UBND huyện B cấp ngày 25-12-2012 cho hộ ông Võ Văn T2, tại phần họa đồ thửa đất thể hiện: phần đường đi chung đi qua các thửa đất 162, 171, 175 của ông T2 và các thửa 153, 172 của các hộ dân khác. Phần diện tích đất này không nằm trong diện tích đất của các thửa 162, 171, 175.

Họa đồ thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 181547 (BL 111) do UBND huyện B cấp ngày 30-7-2014 cho ông Phạm Ngọc M2, bà Đặng Thị M3 đã chuyển nhượng cho ông Phạm Thành N1 thể hiện con đường đi chung đi ngang qua thửa 172, tờ bản đồ số 62, xã L, huyện B.

Họa đồ thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 529316 (BL 112) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 11-7-2017 cho ông Nguyễn Tấn H1 thể hiện con đường đi chung đi ngang qua thửa 148 và thửa 172, tờ bản đồ số 62, xã L, huyện B.

Bản đồ địa chính số 62, xã L (BL 116) thể hiện con đường đi chung đi ngang qua các thửa 162, 153, 148 và 171, 176, 175, 172.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế con đường đi (BL 83) thể hiện: phần đường đất đi qua các thửa 153, 162, 171, 175, 176.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09-5-2022 (BL 89-92) ghi nhận: *Hiện trạng lối đi đầu nối với đường liên xóm, phía trước vợ chồng ông T2, bà H đã rào chắn bằng cổng khung sắt tròn phi 34, lưới B40, kích thước chiều cao 02m, rộng 04m (mỗi cánh 02m). Giữa lối đi đã đổ bê tông khoảng 50-60cm.*

[3.2] Tại Văn bản số 2485/UBND ngày 13-9-2022 của UBND huyện B có nội dung thể hiện: *“Bản đồ đo đạc năm 1999 đối với những lối mòn, đường đi có kích thước nhỏ từ khoảng 2 mét trở xuống không được thể hiện trên bản đồ địa chính. Do đó, năm 2012 khi đo đạc lại bản đồ địa chính có thể hiện con đường đi chung cho các hộ. Đồng thời đo đạc bản đồ năm 2012 là theo sự chỉ dẫn về ranh giới, mốc giới của các chủ sử dụng đất và theo hiện trạng sử dụng đất. Năm 2012, hộ ông Võ Văn T2 bà Ngô Thị Minh H có đơn đăng ký cấp đổi theo kết quả đo đạc năm 2012 đối thửa đất số thửa 162, 175, 171, tờ bản đồ số 62. Tại hồ sơ cấp đổi có thể hiện: Diện tích đăng ký cấp đổi, trích lục hình thể thửa đất trong đó có thể hiện con đường đi chung và biên bản xác minh hiện trạng. Do đó, UBND huyện cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Võ Văn T2 (vợ là bà Ngô Thị Minh H) thửa 162, 175, 171, tờ bản đồ số 62 là đã cấp đúng theo hồ sơ cấp đổi do vợ chồng ông T2 và bà H đăng ký. Đồng thời đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Từ đó tới nay hộ ông T2 bà H không có thắc mắc, khiếu nại gì về việc cấp GCNQSDĐ trên”.*

[3.3] Ông T2, bà H cho rằng con đường có sau khi ông bà sử dụng và được cấp GCNQSDĐ là không có căn cứ; vì lời khai của vợ chồng bà H, ông T2 mâu thuẫn với hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chính ông bà tự kê khai và mâu thuẫn với lời trình bày của ông H1, ông V, ông N1, bà L về hiện trạng có con đường đi chung.

[3.4] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được

chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Minh H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Minh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/2022/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Điều 38, 58, 66, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020;

Căn cứ Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-1-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Minh H về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3887/QĐ-XPVPHC ngày 17-9-2021 (Quyết định số 2345/QĐ-ĐC, ngày 17-6-2022 đính chính Quyết định số 3887/QĐ-XPVPHC) của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí Hành chính phúc thẩm: bà Ngô Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012266 ngày 24/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ    Nguyễn Thị Thúy Hòa**

**Lê Văn An**